

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Cúc**

2. Bà Trần Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 198X; Hộ khẩu thường trú và trú tại: Phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Lương Anh Đ, sinh năm: 198X; Hộ khẩu thường trú: Phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 02/8/2017, Bản tự khai ngày 23/5/2018, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Lương Anh Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 09/2/201X tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh B trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó cả hai đều chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phố Đ, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh Đ. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không có nghề nghiệp ổn định, không có trách nhiệm với con cái và gia đình. Thường xuyên đi sớm về khuya và gây chuyện đánh cãi chửi nhau với chị, khiến vợ chồng không thể hòa hợp được, Từ

năm 2015 anh Đ đã bỏ nhà đi không nói gì với chị, không có trách nhiệm với con cái. Theo chị được biết hiện nay anh Đ nợ nần nhiều nên phải bỏ đi, tránh các chủ nợ đến đòi. Chị không thể chấp nhận lối sống như vậy. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ để chị được ổn định cuộc sống nuôi các con.

- *Về con chung*: Chị và anh Đ có 02 con chung tên là: Lương Yến V – Sinh ngày: 01/12/201X và Lương Yến N – Sinh ngày: 01/12/201X. Hiện hai con chung đang ở cùng chị, sức khỏe các cháu bình thường, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không yêu cầu anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang làm nghề tự do, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng. Hiện chị đang thuê nhà ở tại Ngõ C, phố Đ, quận H, Hà Nội.

- *Về tài sản chung và nhà ở chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ*: Chị và anh Đ không nợ chung ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Lương Anh Đ đến Tòa để lấy lời khai nhưng anh Đ không có mặt, đồng thời Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhắc tìm anh Đ nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh Đ và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lương Anh Đ.

Tại phiên tòa:

Chị L vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Chị xin ly hôn anh Đ để được ổn định cuộc sống nuôi các con. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, chị vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Tòa án và không đến Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh Đ và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Về con chung, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết cho các đương sự. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thông báo của Tòa án được niêm yết, anh Lương Anh Đ không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và cũng không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình.

Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự và giải quyết vụ án được khách quan, ngày 31/5/2018 Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu chị L tiến hành thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Đ, nhưng chị L không tiến hành thủ tục đó và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngày 31/5/2018 Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng phát thông tin về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án cho anh Đ biết. Thông tin được đăng phát trên Báo Nhân dân vào ngày 05, 06, 07/6/2018; phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam vào hồi 11h50 ngày 09, 10, 11/6/2018; và đăng trên Cổng thông tin điện tử của TAND Tối cao, cổng thông tin điện tử của TAND Thành phố Hà Nội.

Ngày 23/5/2018 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng ra Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ lần 1 cho anh Đ. Ngày 14/6/2018 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng ra Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ (lần 2) đối với anh Đ. Ngày 03/7/2018 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các Thông báo trên, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ và niêm yết theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Nhưng cả 03 lần chỉ có chị L có mặt theo đúng thời gian, địa điểm Tòa án đã thông báo còn anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXX-ST ngày 31/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HPT ngày 20/8/2018 cho anh Lương Anh Đ

theo quy định pháp luật; Đồng thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Thông báo trên Đài Tiếng nói Việt Nam vào hồi 11h50 ngày 04, 05, 06/8/2018, Báo Nhân dân vào ngày 04, 05, 06/8/2018 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, thông tin về thời gian và địa điểm mở phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh Đ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của anh Đ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Anh Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 09/02/201X tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh B trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị L, anh Đ chung sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội. Từ năm 2015 đến nay anh Đ không còn sinh sống ở đây, đi đâu, làm gì địa phương không biết. Chị L xác nhận anh Đ bỏ đi nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015, hiện anh Đ ở đâu chị không biết.

Xét thấy, chị L, anh Đ đã không còn duy trì cuộc sống chung vợ chồng từ năm 2015 đến nay, anh Đ bỏ đi, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình, vợ con, giữa hai vợ chồng không còn sự gắn kết, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Đ.

2.2. Về con chung: Chị L và anh Đ có hai con chung tên là: Lương Yến V, sinh ngày 01/12/201X và Lương Yến N, sinh ngày 01/12/201X. Hiện hai con chung đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ đóng góp nuôi con.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Anh Đ bỏ đi không liên lạc với chị L, không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Từ khi anh Đ bỏ đi, chị L vẫn chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện ba mẹ con chị L đang thuê nhà tại Ngõ C, phố Đ, quận H, Hà nội để ở, chị làm nghề tự do, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng. Vì vậy, nguyện vọng được nuôi cả hai con của chị L là chính đáng. Ngoài ra, tại Đơn đề nghị ngày 03/7/2018 cháu V và cháu N đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là Lương Yến V và Lương Yến N cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ kể từ tháng 09 năm

2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về công nợ: Chị L xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ không có ý kiến về tài sản, nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh Đ khi anh Đ có đơn yêu cầu.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị L, anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 220; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lương Anh Đ. Chị L được ly hôn anh Đ.

2. Về con chung: Chị L và anh Đ có hai con chung tên là: Lương Yến V, sinh ngày 01/12/201X và Lương Yến N, sinh ngày 01/12/201X.

Giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 09 năm 2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung của anh Đ kể từ tháng 09 năm 2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh Đ khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AC/2015/0003692 ngày 27/3/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L, vắng mặt anh Đ. Chị L có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND xã Đ, huyện G. Tỉnh B
(Giấy chứng nhận kết hôn số 05,
quyển số 01/2010 ngày 09/02/2010)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lan Chi